

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28 tháng 8 năm 2018

*“V/v: Yêu cầu ly hôn, tranh
chấp về nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIALAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Doãn Thị Lệ

2. Ông Lương Văn Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2018 tại Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 850/2017/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc: *“Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2018/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018, Thông báo thay đổi ngày xét xử số 314/TB – TA ngày 05 tháng 6 năm 2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2018/QĐST – HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018, Thông báo thời gian, địa điểm tiếp tục phiên tòa số 308/TB – TA ngày 09 tháng 7 năm 2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2018/QĐST – HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Đình Trọng Việt H**, sinh năm 1982

Địa chỉ: 68 AMQ, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Hoài T**, sinh năm 1985

Địa chỉ: 68 AMQ, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2017, bản tự khai ngày 20/12/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đinh Trọng Việt H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Hoài T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XC, huyện SC, tỉnh Phú Yên ngày 21/10/2003. Qua thời gian chung sống anh và chị Nguyễn Hoài T liên tục xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; bên cạnh đó chị T thường xuyên gây nợ nần không rõ nguyên nhân, anh đã nhiều lần trả nợ thay chị T nhưng chị T vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến mức vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được với nhau. Do anh nhận thấy mục đích hôn nhân của một gia đình hạnh phúc, vợ chồng yêu thương nhau, cùng nhau chăm sóc con cái và xây dựng cuộc sống hạnh phúc lâu dài không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Hoài T

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Hoài T có 02 (Hai) con chung là cháu Đinh Nguyễn Thanh T, sinh ngày 11/6/2002 và Đinh Thị Trúc L, sinh ngày 07/7/2006. Các cháu hiện đang sống với chị T. Do điều kiện công tác xa, cuộc sống học hành của các cháu đều ở thành phố P nên ly hôn anh có nguyện vọng giao cả hai cháu cho chị Nguyễn Hoài T chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên hiện nay chị T hiện không còn cư trú tại địa chỉ 68 AMQ, thành phố P, tỉnh Gia Lai, các cháu Đinh Nguyễn Thanh T và Đinh Thị Trúc L hiện đang sinh sống với anh do đó anh thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung là Đinh Nguyễn Thanh T và Đinh Thị Trúc L.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu chị Nguyễn Hoài T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh và chị Nguyễn Hoài T tự thỏa thuận về tài sản chung và nghĩa vụ chung phải thực hiện do đó anh không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề này.

Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Hoài T vắng mặt, theo bản tự khai ngày 19/12/2017, ngày 05/01/2018, chị Nguyễn Hoài T trình bày:

Chị và anh Đinh Trọng Việt H tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại xã XC, huyện SC, tỉnh Phú Yên ngày 21/10/2003. Thời gian chung sống, anh chị không hợp nhau, không đồng quan điểm về mọi mặt nên chị và anh Đinh Trọng Việt H đồng thuận ly hôn. Tuy nhiên do anh Đinh Trọng Việt H có quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác từ đó viện lý do anh H đã trả các khoản nợ thay cho chị mà ép buộc chị ký vào đơn ly hôn trái với ý muốn của chị; bên cạnh đó chị muốn giải quyết rõ ràng và thỏa thuận trên vấn đề tài sản chung của hai vợ chồng, thỏa thuận lại về vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên chị thay đổi ý kiến không đồng ý thuận tình ly hôn theo yêu cầu của anh Đinh Trọng Việt H.

Về con chung: Chị và anh Đinh Trọng Việt H có 02 (Hai) con chung là cháu Đinh Nguyễn Thanh T, sinh ngày 11/6/2002 và Đinh Thị Trúc L, sinh ngày 07/7/2006. Ly hôn chị yêu cầu được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung vì hiện các cháu đang sống với chị.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do mức lương của anh Đinh Trọng Việt H cao và để đảm bảo quyền lợi cho 02 con, chị yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 4.000.000 đồng/tháng/ 01 cháu.

Về tài sản chung: Chị và anh Đinh Trọng Việt H tự thỏa thuận về tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng đối với vấn đề nghĩa vụ chung chị Nguyễn Hoài T không đề cập đến.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử không được bảo đảm. Nguyên đơn anh Đinh Trọng Việt H chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn chị Nguyễn Hoài T, việc chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng chưa bảo đảm.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Trọng Việt H về yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Hoài T và giao các cháu Đinh Nguyễn Thanh T và Đinh Thị Trúc L cho anh Đinh Trọng Việt H chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đinh Trọng Việt H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Anh Đinh Trọng Việt H và chị Nguyễn Hoài T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không thuộc trường hợp cấm kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XC, huyện SC, tỉnh Phú Yên ngày 21/10/2003. Hôn nhân của anh H và chị T tuân thủ theo Điều 9,10,11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 nên hôn nhân hợp pháp.

Do mâu thuẫn vợ chồng anh Đinh Trọng Việt H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Hoài T đồng thời giải quyết về vấn đề con chung, bị đơn chị Nguyễn Hoài T cư trú trên địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Hoài T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về hôn nhân, con chung và các vấn đề khác cũng như tham gia phiên tòa nhưng chị T vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh Đinh Trọng Việt H và chị Nguyễn Hoài T sinh sống nhưng không xác định được mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên theo các chứng cứ do anh H nộp kèm theo đơn khởi kiện có văn bản Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn trong đó có chữ ký và ghi tên Nguyễn Hoài T; tại bản tự khai ngày

19/12/2017 và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04/01/2018 chị Nguyễn Hoài T đều thể hiện ý chí đồng thuận ly hôn. Như vậy trong cuộc sống vợ chồng giữa anh H và chị T đã tồn tại những mâu thuẫn nhất định không thể hàn gắn dẫn đến chị T đã đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh H.

Tại bản tự khai ngày 05/01/2018, chị Nguyễn Hoài T thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn với anh Đinh Trọng Việt H vì cho rằng anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị bị ép buộc ký vào đơn, chị muốn giải quyết rõ ràng và thỏa thuận trên vấn đề tài sản chung trước khi giải quyết ly hôn, thỏa thuận lại về vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng tin tưởng lẫn nhau, giữ gìn sự chung thủy là nền tảng xây dựng mối quan hệ vợ chồng bền chặt tuy nhiên chị T không còn tin tưởng vào lòng chung thủy của anh H đã cho thấy sự rạn nứt trong tình cảm vợ chồng. Việc chị cho rằng mình bị ép buộc phải đồng thuận ly hôn không thể phủ nhận được nội dung bản tự khai ngày 19/12/2017 cũng như ý chí của chị T được thể hiện trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04/01/2018 đã được lập tại Tòa án. Còn các vấn đề khác chị nêu ra như vấn đề tài sản cũng như mức cấp dưỡng đều là những ý kiến không đồng ý với những đề xuất từ phía anh H chứ không liên quan đến yếu tố tình cảm cần thiết phải duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T.

Từ đó có cơ sở khẳng định hôn nhân giữa anh Đinh Trọng Việt H và chị Nguyễn Hoài T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Trọng Việt H, xử cho anh H được ly hôn với chị Nguyễn Hoài T.

Về con chung: Anh Đinh Trọng Việt H và chị Nguyễn Hoài T có 02 (Hai) con chung là cháu Đinh Nguyễn Thanh T, sinh ngày 11/6/2002 và Đinh Thị Trúc L, sinh ngày 07/7/2006.

Anh Đinh Trọng Việt H và chị Nguyễn Hoài T đều có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Xét các cháu Đinh Nguyễn Thanh T và Đinh Thị Trúc L hiện đang chung sống với anh Đinh Trọng Việt H và đều thay đổi nguyện vọng muốn chung sống với anh H. Bên cạnh đó, chị T hiện không còn cư trú tại địa chỉ 68 AMQ, thành phố P, tỉnh Gia Lai và không thông báo về nơi cư trú mới nên việc giao các con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo về điều kiện vật chất cũng như tinh thần cho các cháu Đinh Nguyễn Thanh T và Đinh Thị Trúc L. Vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 92 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, việc giao các cháu Đinh Nguyễn Thanh T và Đinh Thị Trúc L cho anh Đinh Trọng Việt H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là chính đáng cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đinh Trọng Việt H đủ điều kiện kinh tế chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Đinh Nguyễn Thanh T và Đinh Thị Trúc L nên không yêu cầu chị Nguyễn Hoài T cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh Đinh Trọng Việt H và chị Nguyễn Hoài T không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án này.

Về án phí: Anh Đinh Trọng Việt H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, 10, 11, 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đinh Trọng Việt H

Anh Đinh Trọng Việt H được ly hôn với chị Nguyễn Hoài T

2. Về con chung: Giao 02 (Hai) con chung là Đinh Nguyễn Thanh T, sinh ngày 11/6/2002 và Đinh Thị Trúc L, sinh ngày 07/7/2006 cho anh Đinh Trọng Việt H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Đinh Trọng Việt H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí

đã nộp trước đây theo biên lai số 0003960 ngày 18/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn anh Đinh Trọng Việt H được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn chị Nguyễn Hoài T vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc bản sao bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP. P;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. P;
- UBND xã XC, huyện SC, tỉnh Phú Yên
(Chứng nhận kết hôn số 31 - quyền số 01
ngày 21/10/2003);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Thị Thanh Thúy